BỘ GIÁO DỤC Vũ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI Chí NGHĨA VũỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021 - 2022 (DỰ KIẾN NGÀY 26/10/2022)

MẪU 2

(Ban hành kèm Theo quyết định: /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2022)

Đơn vị: Khoa Luật

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
1	**2021-LA**	2154073019	Võ Tiểu Cát	Tường	01/04/2003	2021	ĐHCQ	3.8333	90.00	Xuất sắc	5,250,000	100%	5,250,000
2	**2021-LA**	2154073015	Nguyễn Hoàng	Thông	29/10/2003	2021	ĐHCQ	3.6667	90.00	Xuất sắc	5,250,000	100%	5,250,000
3	**2021-LA**	2154070300	Đoàn Quốc	Thắng	16/05/2003	2021	ĐHCQ	3.5000	100.00	Giỏi	5,250,000	70%	3,675,000
4	**2021-LA**	2154070398	Trần Thị Hải	Yến	17/2/2003	2021	ĐHCQ	3.3333	90.00	Giỏi	5,250,000	70%	3,675,000
5	**2021-LA**	2154070088	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	23/04/2003	2021	ĐHCQ	3.1667	94.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
6	**2021-LA**	2154070168	Lê Thanh	Long	22/07/2003	2021	ĐHCQ	3.1667	90.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
7	**2021-LA**	2154070219	Phạm Nguyễn Hồng	Nguyên	05/11/2003	2021	ĐHCQ	3.1667	90.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
8	**2021-LA**	2154073004	Lâm Thái	Hân	28/12/2003	2021	ĐHCQ	3.1667	87.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
9	**2021-LA**	2154070272	Phan Như	Quỳnh	07/04/2003	2021	ĐHCQ	3.1667	83.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
10	**2021-LA**	2154070173	Đậu Thị Khánh	Ly	07/11/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	90.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
11	**2021-LA**	2154070259	Bùi Hà	Phương	23/08/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	90.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
12	**2021-LA**	2154070214	Trần Như	Ngọc	27/08/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	90.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
13	**2021-LA**	2154072004	Huỳnh Quế	Trân	14/10/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	88.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
14	**2021-LA**	2154070385	Lê Minh	Vũ	18/04/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	88.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
15	**2021-LA**	2154070122	Nguyễn Minh	Hưng	31/12/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	88.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
16	**2021-LA**	2154070077	Huỳnh Ngọc	Hà	08/12/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	87.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
17	**2021-LA**	2154070135	Nguyễn Đăng	Khôi	26/09/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	87.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
18	**2021-LA**	2154070043	Nguyễn Kiên	Cường	21/05/2002	2021	ĐHCQ	3.0000	87.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
19	**2021-LA**	2154070032	Nguyễn Thanh	Bình	05/11/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	87.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
20	**2021-LA**	2154070111	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	14/10/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	85.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
21	**2021-LA**	2154073016	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/11/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	85.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
22	**2021-LA**	2154070212	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	27/09/2003	2021	ĐHCQ	3.0000	85.00	Khá	5,250,000	50%	2,625,000
23	**2021-LK**	2154060212	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hòa	03/09/2003	2021	ĐHCQ	4.0000	90.00	Xuất sắc	7,080,000	100%	7,080,000
24	**2021-LK**	2154060712	Trương Nguyễn Thanh	Tuyền	10/02/2003	2021	ĐHCQ	3.8750	90.00	Xuất sắc	7,080,000	100%	7,080,000
25	**2021-LK**	2154060579	Nguyễn Ngọc Vũ	Thùy	20/02/2003	2021	ĐHCQ	3.8750	90.00	Xuất sắc	7,080,000	100%	7,080,000
26	**2021-LK**	2154060617	Nguyễn Thị Anh	Thy	15/12/2003	2021	ĐHCQ	3.7500	90.00	Xuất sắc	7,080,000	100%	7,080,000
27	**2021-LK**	2154060614	Vũ Ngọc	Thư	17/08/2003	2021	ĐHCQ	3.6250	90.00	Xuất sắc	7,080,000	100%	7,080,000
28	**2021-LK**	2154060610	Phạm Ngọc Minh	Thư	21/11/2003	2021	ĐHCQ	3.6250	89.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
29	**2021-LK**	2154063018	Trần Thị Hồng	Hạnh	31/03/2003	2021	ĐHCQ	3.6250	88.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
30	**2021-LK**	2154060800	Dương Hồng	Yến	15/05/2003	2021	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
31	**2021-LK**	2154060129	Nguyễn Thị Hồng	Đào	23/12/2003	2021	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
32	**2021-LK**	2154060596	Hồ Thị Minh	Thư	08/04/2003	2021	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
33	**2021-LK**	2154060595	Đinh Nguyễn Minh	Thư	20/08/2003	2021	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
34	**2021-LK**	2154060701	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	23/08/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	90.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
35	**2021-LK**	2154060445	Dương Mẫn	Nhu	11/01/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	90.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
36	**2021-LK**	2154060684	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trinh	03/04/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	89.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
37	**2021-LK**	2154060782	Phạm Trương Thảo	Vy	22/10/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	85.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
38	**2021-LK**	2154060201	Võ Thu	Hiền	13/05/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	85.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
39	**2021-LK**	2154060679	Trần Nguyễn Bảo	Trân	24/10/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	85.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
40	**2021-LK**	2154060498	Nguyễn Thị Tú	Quyên	03/10/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	85.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
41	**2021-LK**	2154060797	Phan Huỳnh Ngọc	Xuyến	12/01/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	83.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
42	**2021-LK**	2154060081	Trần Huỳnh Huyền	Châu	21/04/2003	2021	ĐHCQ	3.3750	83.00	Giỏi	7,080,000	70%	4,956,000
43	**2020-LA**	2054072001	Trần Văn	An	28/05/2002	2020	ĐHCQ	3.7917	100.00	Xuất sắc	7,320,000	100%	7,320,000
44	**2020-LA**	2054072005	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	29/04/2002	2020	ĐHCQ	3.7917	90.00	Xuất sắc	7,320,000	100%	7,320,000
45	**2020-LA**	2054072132	Lương Thế	Vinh	19/05/2002	2020	ĐHCQ	3.7500	90.00	Xuất sắc	7,320,000	100%	7,320,000
46	**2020-LA**	2054072012	Phan Ngọc	Bích	08/06/2002	2020	ĐHCQ	3.6667	100.00	Xuất sắc	7,320,000	100%	7,320,000
47	**2020-LA**	2054070143	Ngô Hoàng	Oanh	11/04/2002	2020	ĐHCQ	3.6667	98.00	Xuất sắc	7,320,000	100%	7,320,000
48	**2020-LA**	2054072055	Nguyễn Thị Kim	Luân	16/04/2002	2020	ĐHCQ	3.7500	87.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
49	**2020-LA**	2054072102	Nguyễn Thu	Thảo	08/11/2002	2020	ĐHCQ	3.6667	85.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
50	**2020-LA**	2054072105	Nguyễn Thị Bích	Thủy	28/08/2002	2020	ĐHCQ	3.6667	83.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
51	**2020-LA**	2054072124	Từ Công	Tuyển	10/02/2002	2020	ĐHCQ	3.6250	85.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
52	**2020-LA**	2054070041	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	12/04/2002	2020	ĐHCQ	3.5417	100.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
53	**2020-LA**	2054072063	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/09/2002	2020	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
54	**2020-LA**	2054072044	Huỳnh Như	Huỳnh	20/08/2002	2020	ĐHCQ	3.5000	85.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
55	**2020-LA**	2054072131	Trần Ái	Vi	12/09/2002	2020	ĐHCQ	3.4167	90.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
56	**2020-LA**	2054072035	Dương Công	Hậu	28/06/2001	2020	ĐHCQ	3.4167	90.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
57	**2020-LA**	2054070149	Đậu Thị Hà	Phương	13/05/2002	2020	ĐHCQ	3.4167	87.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
58	**2020-LA**	2054072032	Lưu Thị	Hằng	01/02/2002	2020	ĐHCQ	3.4167	85.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
59	**2020-LA**	2054072059	Phạm Ngọc	Minh	23/10/2002	2020	ĐHCQ	3.3750	87.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
60	**2020-LA**	2054070036	Đỗ Thị Cẩm	Hà	08/08/2002	2020	ĐHCQ	3.3750	85.00	Giỏi	7,320,000	70%	5,124,000
61	**2020-LK**	2054062011	Nguyễn Thị Tú	Anh	18/09/2002	2020	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
62	**2020-LK**	2054062211	Đậu Thị Minh	Thư	24/06/2002	2020	ĐHCQ	3.4231	90.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
63	**2020-LK**	2054062126	Bùi Ngọc Thanh	Ngân	11/06/2002	2020	ĐHCQ	3.3846	83.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
64	**2020-LK**	2054060416	Lý Thị Bích	Phụng	27/08/2001	2020	ĐHCQ	3.3846	83.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
65	**2020-LK**	2054062081	Bùi Phùng Ngọc	Huyên	30/03/2002	2020	ĐHCQ	3.3462	90.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
66	**2020-LK**	2054062179	Phan Thị Lệ	Quyên	03/09/2002	2020	ĐHCQ	3.3077	85.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
67	**2020-LK**	2054062221	Lâm Thuận	Tiến	29/07/2002	2020	ĐHCQ	3.3077	88.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
68	**2020-LK**	2054062238	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/05/2002	2020	ĐHCQ	3.3077	100.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
69	**2020-LK**	2054060018	Nguyễn Ngọc Tuấn	Anh	16/02/2002	2020	ĐHCQ	3.2308	85.00	Giỏi	7,930,000	70%	5,551,000
70	**2020-LK**	2054060183	Võ Thị	Huyền	02/02/2002	2020	ĐHCQ	3.1923	95.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
71	**2020-LK**	2054062163	Phạm Quỳnh	Như	01/06/2002	2020	ĐHCQ	3.1538	90.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
72	**2020-LK**	2054062016	Tăng Thị Ngọc	Bích	13/04/2002	2020	ĐHCQ	3.1154	98.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
73	**2020-LK**	2054062030	Trương Lê Hồng	Diễm	11/12/2002	2020	ĐHCQ	3.1154	83.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
74	**2020-LK**	2054062178	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	16/08/2002	2020	ĐHCQ	3.0769	90.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
75	**2020-LK**	2054062053	Đặng Vũ Thanh	Hà	19/07/2002	2020	ĐHCQ	3.0769	87.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
76	**2020-LK**	2054060143	Võ Thị Đoan	Hiền	11/03/2002	2020	ĐHCQ	3.0769	82.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
77	**2020-LK**	2054062270	Lại Võ Tường	Vy	12/05/2002	2020	ĐHCQ	3.0769	80.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
78	**2020-LK**	2054062067	Nguyễn Thu	Hiền	15/05/2002	2020	ĐHCQ	3.0385	82.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
79	**2020-LK**	2054062267	Huỳnh Thảo	Vi	11/11/2002	2020	ĐHCQ	3.0000	87.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
80	**2020-LK**	2054060370	Trần Thị Huỳnh	Nhiên	29/05/2002	2020	ĐHCQ	3.0000	85.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
81	**2020-LK**	2054062121	Hoàng Thị Thúy	Nga	24/08/2002	2020	ĐHCQ	3.0000	69.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
82	**2020-LK**	2054062177	Nguyễn Minh	Quân	07/08/2002	2020	ĐHCQ	2.9615	100.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
83	**2020-LK**	2054062205	Lê Ngọc Phương	Thi	03/02/2002	2020	ĐHCQ	2.9615	85.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
84	**2020-LK**	2054062278	Lê Thị Mỹ	Yên	26/09/2002	2020	ĐHCQ	2.9231	100.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
85	**2020-LK**	2054060352	Châu Uyển	Nhi	28/09/2002	2020	ĐHCQ	2.9231	90.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
86	**2020-LK**	2054060645	Phan Cát Tường	Vân	14/08/2002	2020	ĐHCQ	2.9231	90.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
87	**2020-LK**	2054062113	Nguyễn Tự	Lực	19/09/2002	2020	ĐHCQ	2.9231	85.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
88	**2020-LK**	2054062082	Hoàng Thị Khánh	Huyền	25/04/2002	2020	ĐHCQ	2.9231	82.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
89	**2020-LK**	2054062166	Huỳnh Tấn	Phát	10/09/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	100.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
90	**2020-LK**	2054060471	Nguyễn Bảo Châu	Thanh	01/09/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	90.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
91	**2020-LK**	2054060303	Phạm Thị Kim	Ngân	26/03/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	88.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
92	**2020-LK**	2054062230	Phùng Trần Phương	Trang	01/10/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	88.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
93	**2020-LK**	2054062209	Nguyễn Thị Cẩm	Thụy	02/01/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	87.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
94	**2020-LK**	2054062174	Trần Thị Minh	Phượng	22/02/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	87.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
95	**2020-LK**	2054062266	Võ Thị	Vân	09/09/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	87.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
96	**2020-LK**	2054062071	Nguyễn Thị Kim	Hoa	02/04/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	85.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
97	**2020-LK**	2054062284	Trần Thị Mỹ	Yến	26/02/2002	2020	ĐHCQ	2.8846	82.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
98	**2020-LK**	2054062023	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	19/09/2002	2020	ĐHCQ	2.8462	87.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
99	**2020-LK**	2054060521	Nguyễn Anh	Thư	11/12/2002	2020	ĐHCQ	2.8462	85.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
100	**2020-LK**	2054062028	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	11/02/2002	2020	ĐHCQ	2.8462	85.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
101	**2020-LK**	2054062207	Nguyễn Lê Hà	Thu	24/09/2002	2020	ĐHCQ	2.8077	100.00	Khá	7,930,000	50%	3,965,000
102	**2019-LA**	1954072106	Trương Thị Hương	Quỳnh	10/09/2001	2019	ĐHCQ	3.6923	90.00	Xuất sắc	7,510,000	100%	7,510,000
103	**2019-LA**	1954072136	Nguyễn Thị	Trang	24/03/2001	2019	ĐHCQ	3.6923	90.00	Xuất sắc	7,510,000	100%	7,510,000
104	**2019-LA**	1954072032	Trần Thị	Hậu	25/09/2001	2019	ĐHCQ	3.6923	90.00	Xuất sắc	7,510,000	100%	7,510,000
105	**2019-LA**	1954072148	Nguyễn Thị	Tuyết	05/01/2001	2019	ĐHCQ	3.6538	90.00	Xuất sắc	7,510,000	100%	7,510,000
106	**2019-LA**	1954072151	Nguyễn Thị	Vân	15/01/2000	2019	ĐHCQ	3.6154	97.00	Xuất sắc	7,510,000	100%	7,510,000
107	**2019-LA**	1954072122	Huỳnh Thanh	Thoa	29/04/2001	2019	ĐHCQ	3.6154	99.00	Xuất sắc	7,510,000	100%	7,510,000
108	**2019-LA**	1954072066	Mai Văn	Mười	17/02/2001	2019	ĐHCQ	3.8462	85.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
109	**2019-LA**	1954072022	Trần Minh	Đoàn	15/10/2001	2019	ĐHCQ	3.6154	80.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
110	**2019-LA**	1954072135	Hoàng Thị Kiều	Trang	24/06/2001	2019	ĐHCQ	3.5385	99.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
111	**2019-LA**	1954072059	Lê Mai Thùy	Linh	28/10/2001	2019	ĐHCQ	3.5385	90.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
112	**2019-LA**	1954072125	Hồ Thị Thu	Thủy	07/03/2001	2019	ĐHCQ	3.5385	85.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
113	**2019-LA**	1954072127	Nguyễn Thị Hiền	Thục	26/07/2001	2019	ĐHCQ	3.5000	90.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
114	**2019-LA**	1954072094	Dương Đình	Phụng	16/03/2001	2019	ĐHCQ	3.4615	90.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
115	**2019-LA**	1954052016	Ngô Trần	Giang	25/04/2001	2019	ĐHCQ	3.4615	90.00	Giỏi	7,510,000	70%	5,257,000
116	**2019-LK**	1954062016	Phạm Vân	Anh	22/02/2001	2019	ĐHCQ	3.9000	90.00	Xuất sắc	6,020,000	100%	6,020,000
117	**2019-LK**	1954062221	Phạm Thị Thu	Thảo	19/05/2001	2019	ĐHCQ	3.7500	92.00	Xuất sắc	6,020,000	100%	6,020,000
118	**2019-LK**	1954062038	Nguyễn Ngọc	Diện	19/10/2001	2019	ĐHCQ	3.6000	87.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
119	**2019-LK**	1954062207	Phạm Lý Kiều	Sương	09/10/2001	2019	ĐHCQ	3.5000	85.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
120	**2019-LK**	1954062285	Trịnh Thị Yến	Vân	21/06/2001	2019	ĐHCQ	3.5000	85.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
121	**2019-LK**	1954062015	Phan Thị Lan	Anh	10/06/2001	2019	ĐHCQ	3.5000	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
122	**2019-LK**	1954062186	Nguyễn Thị Khánh	Phương	13/09/2001	2019	ĐHCQ	3.5000	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
123	**2019-LK**	1954062262	Nguyễn Lê Huyền	Trân	07/09/2001	2019	ĐHCQ	3.5000	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
124	**2019-LK**	1954062212	Lê Thị Yến	Thanh	03/01/2001	2019	ĐHCQ	3.4500	85.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
125	**2019-LK**	1954062039	Phạm Thị	Diệp	27/10/2001	2019	ĐHCQ	3.3500	100.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
126	**2019-LK**	1954062230	Đoàn Nguyễn Minh	Thu	12/04/2001	2019	ĐHCQ	3.3500	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
127	**2019-LK**	1954062268	Mai Nguyễn Thanh	Trúc	02/07/2001	2019	ĐHCQ	3.3500	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
128	**2019-LK**	1954062176	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	21/01/2001	2019	ĐHCQ	3.3000	86.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000

TT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
129	**2019-LK**	1954062275	Phan Thanh	Tuyền	09/06/2001	2019	ĐHCQ	3.3000	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
130	**2019-LK**	1954062002	Ngô Lê Nhật	An	25/10/2001	2019	ĐHCQ	3.3000	82.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
131	**2019-LK**	1954062246	Lê Thị Ánh	Tiến	23/02/2001	2019	ĐHCQ	3.2500	90.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
132	**2019-LK**	1954062227	Nguyễn Thị	Thoảng	30/10/2001	2019	ĐHCQ	3.2500	90.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
133	**2019-LK**	1954062076	Phạm Nguyễn Minh	Hoàng	21/04/2001	2019	ĐHCQ	3.2500	90.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
134	**2019-LK**	1954062169	Trần Ngọc Yến	Nhi	04/09/2001	2019	ĐHCQ	3.2500	90.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000
135	**2019-LK**	1954062145	Nguyễn Thanh	Ngân	11/08/2001	2019	ĐHCQ	3.2500	87.00	Giỏi	6,020,000	70%	4,214,000

Xuất sắc: 20 Sinh viên
Giỏi: 65 Sinh viên
Khá: 50 Sinh viên

Tổng cộng: **135** Sinh viên
Tổng số tiền HBKKHT: **629,899,000** đồng
Bằng chữ:

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Nguyễn Quốc Khang

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

Nguyễn Ngọc Anh

TRƯỞNG KHOA

Dư Ngọc Bích